TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HS – ST
Ngày: 08/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Khá;

2. Ông Lương Công Hạnh;

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/TLST – HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST – HS ngày 22 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D – sinh năm 1975 tại tỉnh Bắc Giang; ĐKTT: Thôn T, xã TT, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1949; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: +Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong năm 2013; +Ngày 14/6/2019, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đăklac khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1

Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2019, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Lê Đức M – sinh năm 1998; Trú tại: Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

-Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:

+Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1976; Trú tại: Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

+Ông Lê V – sinh năm 1976; Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+Ông Vũ Hữu Th – sinh năm 1995; Thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nên ngày 17/4/2019, Nguyễn Văn D đến nhà ông Lê V ở thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên chơi. Khoảng 7 giờ ngày 19/4/2019, lợi dụng lúc gia đình ông V còn ngủ, D lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 78C1 – 503.01 của anh Lê Đức M (con ruột ông V) đang dựng ở trong nhà rồi điều khiển xe lên tỉnh Đắklăk. Khi đến Km58 Quốc lộ 26 thuộc địa phận xã Cư M'ta, huyện M'Drắk, tỉnh Đăklăk thì bị Tổ tuần tra Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đăklăk dừng phương tiện kiểm tra. Do D không xuất trình được giấy tờ xe nên Tổ công tác mời D về Công an huyện M'Drăk để làm việc. Tại đây, D đã thừa nhận xe 78C1 – 503.01 do D lấy trộm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 78C1 – 503.01 có giá trị 45.000.000đ. Tài sản trên đã thu giữ trả cho người bị hại.

Ngoài ra, D còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác: Ngày 04/4/2019, trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xám đen, không rõ biển kiểm soát của chị H (không rõ lai lịch) tại huyện Q, tỉnh Bình Phước. Ngày 12/4/2019, trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, không rõ biển kiểm soát của chị Lê Thị C, trú thành phố B, tỉnh Đăklăk.

Tại bản cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T luận tội, kết luận bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản", đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo D từ 01 năm 06 tháng – 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét; Về vật chứng: 01 chứng minh nhân dân số 121594985 mang tên Nguyễn Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo D.

-Bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

-Bị hại Lê Văn M trình bày: Xe 78C1 – 503.01 là tài sản của tôi, khi tôi đang làm việc trong công ty ở Bình D thì mẹ tôi gọi điện nói xe đã bị ông D lấy mất. Sau đó, Công an đã thu hồi xe trả lại cho tôi, tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 7 giờ ngày 19/4/2019, bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 78C1 – 503.01 của anh Lê Đức M (con ruột ông Lê V, bà Nguyễn Thị S) có giá trị 45.000.000đ (theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T). Hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS, do đó Cáo trạng số 47/CT-VKS 28 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T và luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của gia đình bị hại trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương; về nhân thân: +Năm 2011, bị cáo D bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong năm 2013; +Ngày 14/6/2019, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắklắc khởi tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 45.000.000đ, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, do đó cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo việc giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Xét thấy, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo.

[3]Về trách nhiệm dân sự: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 78C1 – 503.01 đã được thu hồi trả cho người bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xét thấy 01 chứng minh nhân dân số 121594985 mang tên Nguyễn Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo D (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

[5]Về án phí: bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 106, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/4/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 chứng minh nhân dân số 121594985 mang tên Nguyễn Văn D và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Tuy Hoà
-Công an TP Tuy Hoà
-TAND tỉnh Phú Yên
-Chi cục THADS TP T
-Người tham gia tố tụng
-Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Vũ Ngọc Hà